

Giới và phát triển con người

Đặng Bích Thủy

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Cùng với sự ra đời của cách tiếp cận phát triển con người, các vấn đề giới trong mối quan hệ với tình trạng phát triển con người ngày càng thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và các nhà hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực phát triển. Mối quan tâm thường xoay quanh các vấn đề: Tại sao tiếp cận phát triển con người lại quan tâm tới vấn đề giới? Mối quan hệ giữa giới và phát triển con người là gì? Đo lường mối quan hệ giữa bình đẳng/bất bình đẳng giới và các kết quả phát triển con người bằng cách nào? Tác giả bài viết chia sẻ những quan điểm về tầm quan trọng của sự quan tâm tới vấn đề giới trong cải thiện tình trạng phát triển con người, với cách đặt vấn đề được đúc rút từ những nguyên tắc và quan niệm về phát triển theo cách tiếp cận phát triển con người do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) khởi xướng. Tác giả cũng giới thiệu các chỉ số đo lường phát triển con người liên quan đến giới và một số vấn đề về bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay qua các chỉ số phát triển con người.

Từ khóa: Giới; Phát triển; Phát triển con người; Chỉ số phát triển con người; Chỉ số phát triển giới.

1. Tiếp cận phát triển con người và các mối quan tâm về bình đẳng giới

Vào những năm 80 thuộc thế kỷ 20, trước sự tăng trưởng nóng về kinh tế dẫn đến nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá tải và các vấn đề

xã hội gia tăng trên toàn cầu như bất bình đẳng, thất nghiệp, nghèo đói, tệ nạn xã hội, biến động chính trị, v.v.. các chính trị gia và các nhà khoa học về phát triển đẩy lên những tranh luận về mục đích và phương tiện phát triển nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống cho con người. Cách tiếp cận phát triển con người (1) được hình thành trong bối cảnh này với quan niệm phát triển không chỉ là tăng thu nhập, mà là tăng thu nhập vì lợi ích con người, con người là trung tâm của quá trình phát triển. Tiếp cận phát triển con người bao trùm lên tất cả các khía cạnh trong cuộc sống của mọi cá nhân, từ tình trạng sức khỏe tới sự tự do về kinh tế và chính trị, với bốn nguyên tắc cơ bản: *công bằng* (equity), *bền vững* (sustainability), *hiệu quả* (productivity) và *nâng cao vị thế* (empowerment) cho người dân (UNDP, 1990). Với quan niệm và nguyên tắc như vậy, tiếp cận phát triển con người chú trọng nhiều đến vấn đề bất bình đẳng giới và các hệ quả của nó tới công bằng xã hội và mục tiêu phát triển con người.

Tiếp cận phát triển con người quan niệm rằng giới không phải là “mối quan tâm bên lề” hoặc là “một vấn đề đặc biệt” trong các thảo luận về sự phát triển. Trong bối cảnh phụ nữ ở hầu hết các khu vực trên thế giới ở vào vị trí thiệt thòi hơn so với nam giới trong việc tiếp cận các cơ hội phát triển, Báo cáo Phát triển con người toàn cầu năm 1995 đã nhấn mạnh: nếu phát triển con người là quá trình mở rộng sự lựa chọn cho tất cả mọi người thì việc loại trừ phụ nữ khỏi rất nhiều cơ hội trong thực tế sẽ cản trở quá trình phát triển chung của nhân loại. Tăng cường năng lực và vị thế của phụ nữ để họ có thể tiếp cận với các cơ hội không chỉ mang giá trị tự thân của nó mà còn là con đường chắc chắn nhất đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững của toàn nhân loại (UNDP, 1995).

Theo quan niệm phát triển con người, bình đẳng giới sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội. Các mục tiêu nhằm đạt được bình đẳng giới và phát triển con người mang tính bổ trợ và tăng cường cho nhau (Neimanis & Tortisyn, 2003). Tăng cường bình đẳng giới đồng thời cũng là sự khôn ngoan xét về mặt kinh tế và giúp cải thiện các mục tiêu phát triển khác. Báo cáo Phát triển Thế giới 2012 do Ngân hàng Thế giới công bố nhấn mạnh rằng bình đẳng giới nâng cao hiệu quả kinh tế và cải thiện kết quả của các mục tiêu phát triển khác theo ba cách: (1), xóa bỏ những rào cản để phụ nữ được tiếp cận bình đẳng như nam giới trong lĩnh vực đào tạo, việc làm và sinh kế sẽ tạo ra bước tiến lớn về năng suất; (2), nâng cao vị thế tuyệt đối và tương đối của người phụ nữ có lợi cho việc đạt được nhiều mục tiêu phát triển khác; và (3), việc tạo sân chơi bình đẳng cho phụ nữ và nam giới để họ có cơ hội như nhau về hoạt động xã hội, chính trị, ra quyết định, xây dựng chính sách, sẽ dần dần đem lại những chính sách mang tính đại diện, bao quát cao hơn và từ đó dẫn tới một con đường phát triển tốt đẹp và bền vững hơn (World Bank, 2012).

Trên quan điểm bình đẳng giới sẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển con người, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)(2) luôn nhấn mạnh các vấn đề về giới trong các diễn đàn về sự phát triển, đặc biệt trên hệ thống báo cáo phát triển con người (3) và các khóa đào tạo về phát triển con người. Thuật ngữ mới *Giới và Phát triển con người* (Gender and Human Development- viết tắt là GHD) và *Chỉ số phát triển giới* (4) (Gender-related Development Index- viết tắt là GDI) và *Chỉ số tăng cường vị thế giới* (5)(Gender Empowerment Measure- viết tắt là GEM) được giới thiệu lần đầu tiên ở Báo cáo Phát triển con người toàn cầu 1995 (Xem UNDP, 1995)

Nhìn lại các tiếp cận phát triển có yếu tố giới trong quá khứ thì GHD có những ưu việt và sát với mục tiêu phát triển bền vững hơn cả. Trước đây, vào những năm 1960, tiếp cận phát triển nhấn mạnh đến vai trò tái sản xuất sức lao động của người phụ nữ. Các dự án phát triển trong giai đoạn này tập trung vào việc tăng cường vai trò của phụ nữ trong việc chăm sóc gia đình, và xem phụ nữ như người hưởng lợi một cách thụ động từ quá trình phát triển. Giữa những năm 1970, tiếp cận phát triển đã tiến thêm một bước khi nhìn nhận phụ nữ như là những nguồn lực đóng góp vào sự phát triển của gia đình, cộng đồng và quốc gia, tiếp cận này được gọi là *Phụ nữ trong Phát triển* (Women in Development- viết tắt là WID).

Tới giữa những năm 1990, đã xuất hiện một cách tiếp cận mới: *Giới và phát triển* (Gender and Developmet- viết tắt là GAD). Tiếp cận GAD đã nhấn mạnh và nhìn nhận một cách bao quát hơn các vấn đề phát triển dưới lăng kính giới. Các mục tiêu phát triển đã tính đến các các nguyên tắc và các vai trò cụ thể của phụ nữ và nam giới trong xã hội.

Trong khi cả WID và GAD, và đôi khi là sự kết hợp giữa hai cách tiếp cận này, đã có những giá trị tất yếu đối với sự phát triển thì vẫn cần phải có một cách tiếp cận mang tính toàn diện hơn nhằm đảm bảo các chính sách phát triển của các quốc gia phải quan tâm đến các mục tiêu bình đẳng giới theo hướng phát triển vì mục tiêu phát triển con người, và tiếp cận GHD đã đáp ứng được nhu cầu này. Tiếp cận GHD cho chúng ta thấy rằng những thành tựu đạt được về bình đẳng giới không chỉ là mục tiêu tự thân của vấn đề giới mà còn là điều kiện tiên quyết của phát triển con người.

Trước những tác động rõ nét của bình đẳng giới tới kết quả đầu ra của phát triển con người, UNDP đã khuyến cáo và hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia sử dụng tiếp cận GHD như là một sự xuyên suốt trong phân tích các chủ đề về phát triển con người mà báo cáo đề cập, cho dù giới không phải là trọng tâm của báo cáo, nhằm thu hút sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách tới các vấn đề bình đẳng giới. Mặc dù, việc phân tích mối liên hệ giữa giới và phát triển con người của nhiều quốc gia vẫn

bị đánh giá thấp (Neimanis & Tortisyn, 2003), nhưng trước những nỗ lực của UNDP, nhiều quốc gia đã sử dụng tiếp cận GHD trong quá trình xây dựng báo cáo, đặc biệt khi phân tích tác động của các chính sách liên quan đến lĩnh vực an sinh xã hội, nghèo đói, việc làm và sinh kế và các hoạt động chính trị. Một số nước cũng đã chọn các vấn đề giới làm chủ đề của báo cáo (6).

Mối quan hệ giữa vấn đề giới và phát triển thường được các báo cáo phát triển con người phân tích dựa trên hai góc nhìn mang tính tương hỗ nhau, với cách đặt vấn đề: tình trạng phát triển con người ảnh hưởng như thế nào đến bình đẳng giới? Bất bình đẳng giới tác động như thế nào đến tình trạng phát triển con người?

Dựa trên bằng chứng số liệu của nhiều quốc gia, Báo cáo phát triển thế giới năm 2012 cho thấy bình đẳng giới đem đến những kết quả phát triển con người tốt hơn cho thế hệ hiện tại và tương lai. Nếu phụ nữ được kiểm soát nhiều hơn các nguồn lực trong gia đình thì họ sẽ đầu tư nhiều hơn vào nguồn vốn con người là trẻ em và như vậy sẽ tác động đến tăng trưởng kinh tế một cách hữu hiệu. Bằng chứng từ rất nhiều nước (Bangladesh, Brazil, Côte d'Ivoire, Mexico, Nam Phi, Anh Quốc) đã cho thấy nếu phụ nữ được tham gia quản lý thu nhập, cho dù là thu nhập của bản thân họ hay sự hỗ trợ tiền mặt (từ một số dự án phát triển) thì sự chi tiêu của họ đều mang lại lợi ích cho trẻ em. Tăng cường giáo dục và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ không những đem đến những hiệu quả tích cực cho bản thân người phụ nữ mà còn cho cả những đứa con của họ. Tình trạng dinh dưỡng tốt hơn của phụ nữ cũng liên quan mật thiết đến sức khỏe và sự sống còn của trẻ em. Học vấn của mẹ (và cả bố) có liên hệ rõ ràng với số năm đi học của con cái ở một loạt các nước. Ở Pakistan, những trẻ em có mẹ thậm chí chỉ đi học 1 năm cũng dành nhiều hơn 1 giờ cho việc tự học ở nhà mỗi ngày so với những trẻ em có mẹ không được đi học và điểm số học tập cũng tốt hơn (World Bank, 2012).

Phân tích giới theo cách tiếp cận phát triển con người đòi hỏi cần phân tích cả nam giới chứ không phải chỉ hướng sự phân tích tới phụ nữ và trẻ em gái. Cụ thể, cần phải phân tích nam giới đã tác động tới tình trạng phát triển con người như thế nào và họ chịu tác động như thế nào bởi tình trạng phát triển con người.

Báo cáo Phát triển con người khu vực Nam Á 2000 đã trình bày hợp thông tin “Các vấn đề của nam giới trong quá trình phát triển”. Hợp thông tin này làm nổi bật những đặc quyền của nam giới (ví dụ, vai trò thống trị của nam giới trong kiểm soát các nguồn lực), cũng như gánh nặng mà họ đang phải gánh vác (ví dụ, sự thiếu thốn trong chia sẻ tình cảm hoặc hệ thống các hỗ trợ, sức ép của xã hội về các định kiến đối với nam giới). Hay

như Báo cáo Phát triển con người quốc gia của Benin vào năm 1998 cũng trình bày một hộp thông tin nhấn mạnh tới trách nhiệm của nam giới: “Bình đẳng là chưa đủ - cần phải xem xét lại vai trò của nam giới” (dẫn theo Neimanis & Tortisyn, 2003). Hai ví dụ này đều là những ví dụ tốt cho những thảo luận về bình đẳng giới theo cách tiếp cận GHD, nghĩa là phân tích giới cần phải bao gồm cả những vấn đề của nam giới.

Như vậy, giới là vấn đề được đặc biệt quan tâm trong tiếp cận phát triển con người. Với vai trò là cơ quan đầu mối trong việc tăng cường bình đẳng giới vì mục tiêu phát triển con người, UNDP đã cung cấp những sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho các quốc gia trong việc biện hộ chính sách mang tính nhạy cảm giới, ngoài ra, UNDP cũng điều phối việc xây dựng hệ thống các chỉ báo đo lường phát triển giới theo tiếp cận phát triển con người. Đó là nội dung mà bài viết sẽ giới thiệu trong phần dưới đây.

2. Đo lường phát triển con người liên quan đến giới

Dưới sự điều phối của UNDP, các nhà nghiên cứu và đội ngũ các chuyên gia đã đưa ra cách đo lường thống nhất trên toàn cầu cho các chỉ số phát triển con người, nhằm đánh giá tình trạng phát triển con người theo thời gian và để phục vụ cho việc xác định các ưu tiên về chính sách, cũng như so sánh mức độ phát triển con người trong nội bộ một quốc gia (giữa các địa phương) và giữa các quốc gia và khu vực. Để phản ánh rõ hơn các chiều cạnh của phát triển con người, các chỉ báo đo lường phát triển con người cũng được điều chỉnh và bổ sung trong những năm gần đây.

Các chỉ số đo lường phát triển con người liên quan đến giới là những thước đo bổ sung những chiều cạnh phát triển con người mang tính nhạy cảm giới. Những chỉ số này giúp chỉ ra những khác biệt giới và những yếu tố cản trở sự tiến bộ của xã hội trên các chiều cạnh giới theo quan điểm phát triển con người.

Như đã đề cập, chỉ số phát triển giới GDI và chỉ số tăng cường vị thế giới GEM đã chính thức được giới thiệu tại Báo cáo phát triển con người toàn cầu 1995.

Chỉ số GDI là một chỉ số tổng hợp đo lường phát triển con người trong ba lĩnh vực (tuổi thọ, học vấn và thu nhập) giống như trong chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index) nhưng đã được điều chỉnh để xem xét sự khác biệt giới trong những lĩnh vực này. Về cơ bản GDI giống như là HDI nhưng đã được điều chỉnh để tính đến những khác biệt giới đối với những thành tố cơ bản. Cụ thể, mỗi chỉ báo về tuổi thọ, học vấn và thu nhập đòi hỏi phải có các số liệu chi tiết cho phụ nữ và nam giới (7). Chỉ số GDI không đo lường bất bình đẳng giới mà nó là sự điều chỉnh

của HDI để đánh giá khoảng cách về giới. Sự chênh lệch về những khả năng cơ bản giữa nam và nữ càng tăng thì chỉ số GDI càng thấp khi so sánh với HDI. GDI nhận giá trị trong khoảng 0 đến 1. Khi GDI càng tiến đến giá trị 0 thì mức độ chênh lệch giữa hai giới càng lớn và ngược lại.

Chỉ số tăng cường vị thế giới GEM được sử dụng để đánh giá mức độ bất bình đẳng giới. Đây là một chỉ số hỗn hợp đo lường bất bình đẳng giới trên ba lĩnh vực chính: (1) sự tham gia và ra các quyết định chính trị; (2) sự tham gia và ra các quyết định về kinh tế; và (3) quyền lực được phụ nữ sử dụng đối với các nguồn lực kinh tế. Trong khi chỉ số GDI nhấn mạnh đến sự khác biệt giới trong mở rộng các cơ hội và năng lực thì chỉ số GEM xem xét phụ nữ và nam giới có thể tham gia tích cực như thế nào vào đời sống kinh tế chính trị và quá trình ra quyết định. Hay nói một cách khác, GDI quan tâm đến việc mở rộng khả năng còn GEM quan tâm tới việc sử dụng những khả năng đó để khai thác các cơ hội trong cuộc sống.

Mặc dù cả hai chỉ số GDI và GEM đều có đóng góp quan trọng cho các tranh luận về mối liên hệ giữa phát triển con người và vấn đề bình đẳng giới, tuy nhiên, hai chỉ số này cũng có những hạn chế về mặt phương pháp luận (UNDP, 2010), vì vậy, các chuyên gia về phát triển con người đã nghiên cứu, tính toán và đưa ra một cách đo lường giới với cách tính toán phù hợp với thực tiễn hơn, đó là *Chỉ số bất bình đẳng giới* (Gender Inequality Index- viết tắt là GII).

Chỉ số bất bình đẳng giới GII được chính thức giới thiệu trong Báo cáo Phát triển con người toàn cầu vào năm 2010 (Xem UNDP, 2010). GII đo lường bất bình đẳng giới trên sự tính toán 3 chiều cạnh cơ bản và được lựa chọn với sự cân nhắc cẩn thận các chỉ số thành phần để phản ánh tình trạng sức khỏe sinh sản của người phụ nữ, vị thế của họ (trong việc ra quyết định) và sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động so với nam giới. GII là sự kết các thành tố của GDI và GEM. Ngược lại với chỉ số GDI, khi GII càng tiến đến giá trị 0 thì mức độ bình đẳng giới càng cao, hay nói một cách khác, khi càng tiến tới giá trị 0 thì chênh lệch giữa hai giới càng nhỏ.

Có thể nói, GII là một công cụ rất hữu hiệu để đánh giá tình trạng thực tế của bình đẳng giới trên những khía cạnh cơ bản, đặc biệt là khi xem xét các chỉ báo thành phần, giúp các nhà hoạch định chính sách nhận biết được đâu là những rào cản tới sự phát triển của quốc gia xuất phát từ các nguyên nhân bất bình đẳng giới, từ đó có thể xác định các ưu tiên trong định hướng và điều chỉnh các chính sách phát triển.

3. Bình đẳng giới ở Việt Nam qua các chỉ số phát triển con người liên quan đến giới

Việt Nam được công nhận là nước có nhiều tiến bộ về bình đẳng giới

**Bảng 1. Chỉ số phát triển giới GDI theo vùng của Việt Nam
giai đoạn 1999- 2008**

	Tỉnh/Thành phố	1999	2004	2008	Thay đổi 1999- 2008 (%)
	Cả nước	0,651	0,701	0,728	11,83
V1	Trung du và Miền núi phía Bắc	0,578	0,623	0,660	14,19
V2	Đồng bằng sông Hồng	0,674	0,707	0,741	9,94
V3	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,627	0,674	0,707	12,76
V4	Tây Nguyên	0,582	0,623	0,688	18,21
V5	Đông Nam Bộ	0,728	0,748	0,756	3,85
V6	Đồng Bằng sông Cửu Long	0,624	0,674	0,714	14,42

Nguồn: Viện KHXH Việt Nam, 2011.

trong khu vực. Báo cáo Đánh giá Giới tại Việt Nam do Ngân hàng Thế giới công bố vào tháng 12/2011 cho thấy Việt nam đã có những bước chuyển biến to lớn về bình đẳng giới, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều thách thức trên cả ba bình diện mà đánh giá tập trung phân tích: nghèo đói và an sinh xã hội; việc làm và sinh kế; và tham gia hoạt động xã hội. Một số bất bình đẳng giới nổi bật nhất là bạo lực trên cơ sở giới ở mức cao, khác biệt giới trong các ngành học còn khá cao, tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh cao, phụ nữ thường làm các công việc dễ bị tổn thương hơn nam giới, tỷ lệ phụ nữ tham gia quốc hội cao so với khu vực nhưng mức độ tham gia của phụ nữ trong chính quyền địa phương lại thấp (Ngân hàng Thế giới, 2011).

Theo cách tính toán về bình đẳng giới của tiếp cận phát triển con người, các chỉ số phát triển giới ở Việt Nam có những cải thiện đáng kể trong các năm qua mặc dù vẫn còn nhiều thách thức (8).

Nhóm xây dựng Báo cáo Phát triển con người quốc gia của Việt Nam 2011 (9) đã tính toán chỉ số GDI giai đoạn 1999- 2008 dựa trên số liệu do Tổng cục Thống kê cung cấp, với mốc thời gian là năm 1999, 2004 và 2008. Chỉ số phát triển giới GDI của Việt Nam trong giai đoạn này thể hiện những tiến bộ về bình đẳng giới ở Việt Nam như sau: năm 1999: 0,651; 2004: 0,701; và năm 2008 là 0,728. Chỉ số GDI cũng tăng ở tất cả các vùng của Việt Nam, mặc dù vùng Đông Nam bộ có mức tăng chậm hơn so với các vùng khác. Vùng Tây Nguyên có sự tiến bộ về GDI cao nhất so với các vùng còn lại (xem bảng 1).

So với các nước khác trong khu vực Việt Nam có thứ hạng GDI cao hơn so với In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Cam-pu-chia, Lào và Ấn Độ nhưng lại có khoảng cách khá xa so với các nước châu á khác như Nhật bản, Hàn Quốc

Bảng 2. Xếp hạng các tỉnh có chỉ số GDI và HDI cao nhất và thấp nhất năm 2008

Tỉnh/Thành phố	Chỉ số GDI	Xếp hạng	Tỉnh/Thành phố	Chỉ số HDI	Xếp hạng
Nhóm 5 tỉnh/thành phố có chỉ số GDI cao nhất			Nhóm 5 tỉnh/thành phố có chỉ số HDI cao nhất		
Bà Rịa- Vũng Tàu	0,803	1	Bà Rịa- Vũng Tàu	0,805	1
TP Hồ Chí Minh	0,771	2	TP Hồ Chí Minh	0,773	2
Hà Nội	0,770	3	Hà Nội	0,770	3
Đà Nẵng	0,760	4	Đà Nẵng	0,761	4
Quảng Ninh	0,755	5	Quảng Ninh	0,755	5
Nhóm 5 tỉnh/thành phố có chỉ số GDI thấp nhất			Nhóm 5 tỉnh/thành phố có chỉ số HDI thấp nhất		
Sơn La	0,637	59	Sơn La	0,641	59
Yên Bái	0,630	60	Yên Bái	0,631	60
Điện Biên	0,594	61	Điện Biên	0,600	61
Hà Giang	0,566	62	Hà Giang	0,570	62
Lai Châu	0,531	63	Lai Châu	0,538	63

Nguồn: Bảng số liệu được xây dựng dựa trên các chỉ số HDI và GDI được công bố bởi Báo cáo Quốc gia về Phát triển con người, Viện KHXH VN, 2011.

và Trung Quốc. Mặt khác, tốc độ thay đổi chỉ số GDI của Việt Nam thấp hơn nhiều so với Cam-pu-chia, Lào, Ấn Độ và Trung Quốc (xem Viện KHXH VN, 2011).

Chỉ số GDI của 5 tỉnh/thành phố xếp hạng cao nhất của Việt Nam đồng thời cũng là 5 tỉnh/thành phố có chỉ số HDI cao nhất. Tương tự chỉ số GDI của 5 tỉnh/thành phố xếp hạng thấp nhất cũng lại hoàn toàn trùng lặp với danh sách 5 tỉnh/thành phố có chỉ số HDI thấp nhất (xem bảng 2).

Xem xét các chỉ số thành phần (hay còn gọi là chỉ số cấu thành) của HDI ở các tỉnh của Việt Nam ta thấy, ở tất cả các vùng, chỉ số HDI tăng bất nguồn từ việc cải thiện mọi chỉ số cấu thành, chứ không phải chỉ nhờ vào tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên, chỉ số GDP bình quân đầu người đóng góp phần lớn cho tốc độ tăng chỉ số HDI (Viện KHXH VN, 2011). Điều này lý giải tại sao chỉ số HDI xếp hạng cao nhất thuộc về những tỉnh giàu có nhất Việt Nam, và chỉ số HDI thấp nhất cũng thuộc về các tỉnh có mức sống nghèo nhất. Tuy nhiên, đối với chỉ số GDI, dường như không thấy sự bất bình đẳng về giới khi nhìn vào chỉ số GDI chung, và chỉ số này thể hiện rằng ở những tỉnh có GDP cao thì chỉ số GDI cũng cao, nhưng nếu nhìn vào các chỉ số cấu thành GDI, sẽ thấy bất bình đẳng về giới thể hiện

rất rõ ràng.

Theo số liệu được tính toán bởi nhóm tác giả (Viện KHXH VN, 2011), bất bình đẳng về giới trong thu nhập là rất đáng kể và thể hiện rất rõ ở những tỉnh có thu nhập cao. Năm 2008 có đến 15 tỉnh/thành phố có mức thu nhập chênh lệch giữa nam và nữ lớn từ khoảng 30% trở lên, cá biệt là đối với Cà Mau, thu nhập bình quân của nữ chỉ bằng một nửa so với nam. Trong khi đó, những tỉnh có khoảng cách giới trong lĩnh vực giáo dục lớn nhất là những tỉnh nghèo nhất, và có thứ hạng HDI và GDI thấp nhất. Điều này cho thấy phụ nữ Việt Nam hiện vẫn đang bị tụt hậu so với nam giới và họ đang ở vào vị trí thiệt thòi hơn trong việc thụ hưởng các thành quả từ quá trình phát triển của Việt Nam những năm vừa qua.

Báo cáo quốc gia Việt Nam về phát triển con người năm 2011 do UNDP tại Việt Nam công bố đã phân tích các số liệu của Việt Nam và bình luận rằng chỉ số GDI thể hiện hai mô hình khác biệt về bất bình đẳng giới. Thứ nhất, vẫn tồn tại bất bình đẳng giới trong giáo dục ở các tỉnh nghèo nhất Việt Nam. Thứ hai, bất bình đẳng giới trong thu nhập là đáng kể và rõ rệt ở một số tỉnh năng động nhất của Việt Nam, nơi thu nhập đang tăng lên nhanh chóng, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, ở các tỉnh giàu có, bình đẳng giới trong giáo dục tăng lên rõ rệt, trong khi đó, ở một số tỉnh nghèo hơn dường như có sự bình đẳng giới hơn về thu nhập (UNDP, 2011).

Về chỉ số GEM và GII, cho đến nay cả 3 Báo cáo quốc gia về Phát triển con người Việt Nam (10) đều chưa có điều kiện để tính toán và công bố các chỉ số này. Tuy nhiên, Báo cáo Phát triển con người toàn cầu một số năm gần đây đã công bố các số liệu về GII của các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Theo Báo cáo Phát triển con người toàn cầu năm 2010, chỉ số GII của Việt Nam vào năm 2008 là 0,530 và được xếp thứ 3 trong tổng số 8 nước thuộc khu vực Đông Nam Á và xếp thứ 58 trong tổng số 137 nước có được số liệu tính toán và so sánh về GII (UNDP, 2010). Chỉ số GII của Việt Nam vào năm 2012 là 0,322 với xếp thứ 48 trong tổng số 146 nước trong danh sách các nước có số liệu so sánh. Cùng trong năm này, nước có chỉ số bất bình đẳng giới thấp nhất (hay nói cách khác là nước đạt được mức bình đẳng giới cao nhất) là Hà Lan, với GII là 0,045 và là nước đứng thứ 4 trong bảng xếp hạng các nước có chỉ số HDI cao (UNDP, 2013).

Trong Báo cáo Phát triển con người toàn cầu năm 2014 có 151 nước có số liệu để so sánh về GII của năm 2013. Trong đó, chỉ số GII của Việt Nam là 0,322 với thứ hạng là 58/151 nước. Nước đứng đầu danh sách về thành tựu đạt được trong bình đẳng giới là Slovenia, với chỉ số GII là 0,021. Trong khi đó, Na-Uy đứng vị trí thứ 1 về HDI nhưng lại đứng thứ

9 về GII, còn Slovenia xếp ở vị trí 25 về HDI (UNDP, 2014). Điều này cho thấy, không phải cứ HDI cao thì GII cũng cao tương đương, mặc dù, HDI cao là yếu tố quan trọng tạo nên sự tiến bộ về bình đẳng giới.

Nhìn vào chỉ số GDI và GII của Việt Nam qua các năm có thể thấy rõ sự tiến bộ về bình đẳng giới ở Việt Nam những năm qua. Nguyên nhân của những tiến bộ này có nguồn gốc từ những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong cải thiện các bất bình đẳng giới, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, việc làm và tham gia chính trị. Sự ra đời của Luật Bình đẳng giới vào năm 2008 là một ví dụ minh họa quan trọng cho những nỗ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nhìn vào các chỉ số thành phần của GDI và GII, đặc biệt là ở cấp địa phương (như bài viết đã đề cập) thì cho thấy hiện vẫn còn nhiều thách thức đối với quá trình phát triển con người ở Việt Nam nói chung và bình đẳng giới ở Việt Nam nói riêng.

Lời kết

Những đo lường về bình đẳng giới theo tiếp cận phát triển con người gợi ý cho các Chính phủ, các nhà hoạch định chính sách và tất cả những ai quan tâm tới phát triển con người một tầm nhìn mới và bao quát về mối liên hệ giữa bình đẳng giới và các vấn đề của phát triển. Không có bất cứ một quốc gia nào có mức độ phát triển con người cao mà lại bị tụt hậu về bình đẳng giới. Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ - những người đang ở vị thế bất lợi hơn so với nam giới - là con đường hiệu quả để xóa bỏ nghèo đói, bệnh tật, các bất bình đẳng xã hội và là yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội. Những tiền đề cơ bản này của sự phát triển cũng gợi ý cho Chính phủ Việt Nam về sự cần thiết điều chỉnh những chính sách tăng cường bình đẳng giới hiệu quả hơn trong tương lai, theo hướng mở rộng các cơ hội và nâng cao năng lực một cách bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới, để họ có khả năng tham gia tích cực vào cuộc sống cộng đồng và tạo dựng cuộc sống khỏe mạnh, trường thọ và hạnh phúc, theo đúng tinh thần của mục tiêu cuối cùng của phát triển là phát triển vì lợi ích con người. ■

Chú thích

1. Haq M ul. là người đặt nền móng và là nhà lãnh đạo tiên phong của cách tiếp cận phát triển con người. Tư tưởng phát triển con người được nhà kinh tế học Sen A., người được giải Nobel về kinh tế và là cộng sự đắc lực của Haq, khai phá và phát triển.
2. Cơ quan khởi xướng và hỗ trợ kỹ thuật, tài chính cho việc phổ biến và nâng cao nhận thức về cách tiếp cận phát triển con người thông qua hệ thống báo cáo phát triển con người và các khóa đào tạo về phát triển con người.
3. Báo cáo Phát triển con người được coi là công cụ biện hộ chính sách quan trọng cho mục tiêu phát triển con người. Báo cáo Phát triển con người đầu tiên

được xuất bản vào năm 1990. Trong hai thập kỷ qua đã có hơn 140 nước xây dựng Báo cáo Phát triển Con người. Tính đến cuối năm 2013 đã có tới hơn 700 Báo cáo Phát triển con người được xuất bản, trong đó có 675 báo cáo quốc gia, 32 báo cáo khu vực và 22 báo cáo toàn cầu (xem <http://hdr.undp.org>).

4. Một cách dịch khác: Chỉ số phát triển liên quan đến giới

5. Một số cách dịch khác: Chỉ số đo lường tăng cường vị thế giới; Chỉ số quyền năng giới; Chỉ số trao quyền giới.

6. Tham khảo danh mục báo cáo phát triển con người trên trang web: <http://hdr.undp.org>

7. Tham khảo theo đường dẫn sau để biết thông tin chi tiết cho cách tính toán chỉ số GDI: <http://hdr.undp.org/en/content/gender-development-index-gdi>

8. Việc tính toán các chỉ số phát triển con người liên quan đến giới theo chuẩn quốc tế ở Việt Nam hiện còn khó khăn do thiếu sự hỗ trợ của hệ thống dữ liệu thống kê. Sự đo lường mới chỉ tập trung vào chỉ số GDI, còn các chỉ số GEM và GII hầu như không có số liệu được công bố chính thức. Các số liệu đã được công bố lại không có sự nhất quán và có sự chênh lệch đáng kể giữa các nguồn cung cấp thông tin. Do vậy, bài viết này chỉ phân tích chỉ số GDI của Việt Nam dựa trên các báo cáo phát triển con người quốc gia của Việt Nam, và các số liệu đã được công bố của UNDP. Không loại trừ ngay cả chỉ số GDI này cũng có sự chênh lệch so với các nguồn số liệu khác.

9. Nhóm xây dựng báo cáo bao gồm các chuyên gia thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam).

10. Báo cáo thứ nhất được công bố vào năm 2001, do Trung tâm KHXH và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) thực hiện. Báo cáo lần thứ 2 được công bố vào năm 2011, do Viện KHXH Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) thực hiện. Năm 2011 UNDP tại Việt Nam cũng công bố báo cáo quốc gia về Phát triển con người do tổ chức này thực hiện.

Tài liệu trích dẫn

Neimanis A. & Tortisyn A. 2003. *Gender Thematic Guiden Note. Human Development Report Office and Bureau of Development Policy*. UNDP New York.

Ngân hàng Thế giới. 2011. *Đánh giá giới tại Việt Nam*. Hà Nội.

UNDP. 2014. *Human Development Report 2014. Sustaining Human Progress: Reduacing Vulnerabilities and Building Resilience*. New York.

UNDP. 2013. *Human Development Report 2013. The Rise of the South: Human Progress in Diverse World*. New York.

UNDP. 2011. *Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người. Báo cáo Quốc gia về Phát triển con người năm 2011*. Hà Nội.

UNDP. 2010. *Human Development Report 2010. The Real Wealth of Nations: Pathways to Human Development*. New York.

UNDP. 1995. *Human Development Report 1995: Gender and Human Development*. Oxford University Press. New York.

UNDP. 1990. *Human Development Report 1990. Concept and Measurement of Human Development*. Oxford University Press. New York.

World Bank. 2012. *The World Development Report 2012: Gender Equality and Development*. Washington DC.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 2011. *Phát triển con người Việt Nam năm 2011*.